

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 136

LUẬN VỀ CỤ KIẾN (Phần 3)

Hỏi: Tâm thuộc phần Khởi-Trú-Diệt là nói về pháp nào?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về Sát-na, Lạp-phước, Mâu-hô-lật-đa.

Hỏi: Điều này thuận theo trước nói về nửa tháng... Nguyên có thế nào? Bởi vì Sát-na... tích lại thành ngày đêm, ngày đêm tích lại thành nửa tháng-một tháng..., nửa tháng-một tháng... tích lại thành kiếp. Vì sao trước nói về thô, sau nói đến tế?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người đưa ra cách nói này: A-tỳ-đạt-ma nên dùng tướng để mong cầu chứ không dùng trước-sau, nhưng không trái với pháp tướng, tùy theo cách nói không có gì sai.

Có Sư khác nói: Trong phần luận này trước nói về thô-sau nói đến tế, bởi vì khiến cho những người học dần dần tiến vào. Trong này, phần Khởi gọi là Sinh, phần Trú gọi là Lão, phần Diệt gọi là Vô thường. Pháp hữu vi có ba phạm vi như nhau (phần tề), đó là Thời-Sắc-Danh. Thời ít nhất, đó là một Sát-na. Sắc ít nhất, đó là một Cực-vi. Danh ít nhất, đó là dựa vào một chữ. Tích tụ như vậy để làm cho phạm vi như nhau nhiều dần lên. Phạm vi như nhau, như chương Tạp Uẩn đã nói.

Hỏi: Mức lượng Sát-na ấy làm sao có thể biết?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Luận Thi Thiết nói: “Như lúc người nữ đứng tuổi dẹt tờ lụa, giữ lông mịn không dài-không ngắn, như vậy nói là mức lượng Đát-sát-na. Người ấy không cần phải nói sợi tờ ngắn hay dài, chỉ nói lông tơ từ trong ngón tay đưa ra, tùy theo mức lượng đã đưa ra là Đát-sát-na.”

Hỏi: Trước hỏi về Sát-na, vì sao lại dẫn luận Thi Thiết nói đến

mức lượng Đất-sát-na?

Đáp: Trong này nêu ra thô để hiển bày cho tế, bởi vì tế khó biết cho nên không có thể hiển bày. Nghĩa là một trăm hai mươi Sát-na thành một Đất-sát-na, sáu mươi Đất-sát-na thành một Lạp-phước, đơn vị này có bảy ngàn hai trăm Sát-na. Ba mươi Lạp-phước thành một Mâu-hô-lật-đa, đơn vị này có hai trăm mười sáu ngàn Sát-na. Ba mươi Mâu-hô-lật-đa thành một ngày đêm, đơn vị này có thiếu đi hai mươi, không tròn số sáu mươi lăm trăm ngàn Sát-na. Thân năm uẩn này trong một ngày một đêm, trải qua vô thường sinh diệt với số lượng như vậy.

Có người nói: Đây là thô chứ không phải là mức lượng Sát-na, như nghĩa của tôi thì như khoảng thời gian bặt ngón tay của tráng sĩ trải qua sáu mươi bốn Sát-na.

Có người nói: Không phải như vậy, như nghĩa của tôi thì như hai người khỏe mạnh kéo đứt rất nhiều sợi tơ mịn Ca-thi, tùy theo bao nhiêu sợi tơ mịn đứt lia thì trải qua bấy nhiêu Sát-na.

Có người nói: Không phải như vậy, như nghĩa của tôi thì như hai người khỏe mạnh nắm giữ rất nhiều sợi tơ mịn Ca-thi, có một tráng sĩ dùng trăm lưỡi dao luyện cứng của nước Chí-na nhanh chóng mà cắt đứt, tùy theo bao nhiêu sợi tơ mịn đứt lia thì trải qua bấy nhiêu Sát-na.

Có người nói: Vẫn còn thô chứ không phải là mức lượng Sát-na, mức lượng Sát-na thật sự thì Đức Thế Tôn không nói đến, vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: “Có một Tỳ kheo đi đến nơi Đức Phật, đánh lễ dưới hai chân Đức Phật rồi lùi về đứng ở một phía, thưa với Đức Thế Tôn rằng: Hành của Thọ (thọ mạng) sinh diệt nhanh chóng như thế nào? Đức Phật nói: Ta có thể nói ra điều ấy, nhưng ông không có thể biết được. Tỳ kheo thưa rằng: Có thể có thí dụ để có thể biểu hiện rõ ràng hay không? Đức Phật nói: Có, nay Ta sẽ nói cho ông biết, ví như bốn người có sở trường về bắn cung, tất cả đều cầm cung tên, xoay lưng đứng tựa vào nhau sắp bắn về bốn phía, có một người nhanh chóng đi đến nói rằng: Bây giờ các ông có thể cùng một lúc phóng tên, tôi có thể đón lấy tất cả, khiến cho tất cả không rơi xuống đất, ý ông nghĩ thế nào, điều này nhanh chóng hay không? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Rất nhanh, thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật nói: Người ấy nhanh chóng không bằng Dục-xoa đi trên mặt đất, Dục-xoa đi trên mặt đất nhanh chóng không bằng Dục-xoa đi giữa hư không, Dục-xoa đi giữa hư không nhanh chóng không bằng trời Tứ Đại Vương Chúng, trời ấy nhanh chóng không bằng mặt trời-mặt trăng, mặt trời-mặt trăng nhanh chóng không bằng Thiên tử Kiên Hành, đây là vị trời hưởng dẫn chỉ

đường cho chuyên xe mặt trời-mặt trăng. Chư Thiên như vậy lần lượt xoay chuyển nhanh chóng, Hành của Thọ sinh diệt nhanh chóng hơn thế, lưu chuyển trong từng Sát-na không có tạm dừng.”

Vì vậy cho nên biết Đức Thế Tôn không nói đến mức lượng Sát-na thật sự.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn không nói cho người khác biết về mức lượng Sát-na thật sự?

Đáp: Bởi vì không có hữu tình nào có thể biết được điều ấy.

Hỏi: Lẽ nào Xá-lợi-tử cũng không biết hay sao?

Đáp: Vị ấy tuy có thể biết được nhưng mà không có tác dụng đối với vị ấy, cho nên không nói đến, bởi vì Đức Phật không bao giờ thuyết pháp trống không.

Một năm có mười hai tháng, ngày đêm tăng giảm tóm lược làm thành hai Thời, bởi vì giảm và tăng đều có sáu tháng. Nhưng ngày và đêm tăng giảm trái ngược nhau, tuy đều là hai Thời mà không có bốn phần vị. Ngày đêm tăng giảm đều có một Lạp-phước, tháng thì đều có một Mâu-hô-lật-đa. Ba mươi Mâu-hô-lật-đa thành một ngày đêm, ở trong ngày đêm nhiều ít có bốn loại không giống nhau, phần vị tăng lên dài nhất không quá mười tám, phần vị giảm xuống ngắn nhất chỉ có mười hai, phần vị ngày đêm dừng lại đều có mười lăm. Nghĩa là ngày thứ tám thuộc nửa sáng(bạch bán) của tháng Yết-lật-để-ca (tháng 1), ngày đêm đều có mười lăm Mâu-hô-lật-đa, từ đây về sau ngày giảm-đêm tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Mạt-già-thỉ-la (tháng 2), đêm có mười sáu Mâu-hô-lật-đa, ngày có mười bốn. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Báo-sa (tháng 3), đêm có mười bảy, ngày có mười ba. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Ma-già (tháng 4), đêm có mười tám, ngày có mười hai, từ đây về sau đêm giảm-ngày tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Pha-lặc-lũ-na (tháng 5), đêm có mười bảy, ngày có mười ba. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Chế-đát-la (tháng 6), đêm có mười sáu, ngày có mười bốn. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Phệ-xá-khư (tháng 7), ngày-đêm đều có mười lăm, từ đây về sau đêm giảm-ngày tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Thệ-sất-trĩ (tháng 8), đêm có mười bốn, ngày có mười sáu. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng A-sa-đồ (tháng 9), đêm có mười ba, ngày có mười bảy. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Thất-la-phiệt-noa (tháng 10), đêm có mười hai, ngày có mười tám, từ đây về sau ngày giảm-đêm tăng đều

một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Bà-đạt-la-bát-đà (tháng 11), đêm có mười ba, ngày có mười bảy. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng A-thấp-phước-dữ-xà (tháng 12), đêm có mười bốn, ngày có mười sáu. Như vậy lại đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Yết-lật-đề-ca (tháng 1), ngày - đêm dừng lại bằng nhau, đây gọi là nói tóm lược về phạm vi như nhau của Thời.

Hỏi: Mức lượng Cực-vi ấy lại làm sao biết được?

Đáp: Nên biết Cực-vi là sắc nhỏ nhất, không có thể cắt đứt-phá hoại-xuyên qua, không có thể lấy bỏ-đi lại-nắm kéo, không phải là dài-không phải là ngắn, không phải là vuông-không phải là tròn, không phải là thẳng-không phải là cong, không phải là cao-không phải là thấp, không có phần nhỏ, không có thể phân tích, không có thể nhìn thấy, không có thể nghe thấy, không có thể ngửi nếm, không có thể sờ mó, cho nên nói Cực-vi là sắc nhỏ nhất. Bảy Cực-vi này thành một Vi trần, là sắc vi tế nhất trong sắc do Nhãn-Nhãn thức đã giữ lấy, sắc này chỉ có ba loại mắt nhìn thấy:

1. Mắt của chư Thiên.
2. Mắt của Chuyển Luân Vương.
3. Mắt của Bồ-tát trú trong thân cuối cùng.

Bảy Vi trần thành một Đồng trần.

Có người nói: Bảy Vi trần thành một Thủy trần, bảy Đồng trần thành một Thủy trần.

Có người nói: Bảy Vi trần thành một Đồng trần, bảy Thủy trần thành một Thổ hào (lông thỏ) trần.

Có người nói: Bảy Đồng trần thành một Thổ hào trần, bảy Thổ hào trần thành một Dương mao (lông dê) trần, bảy Dương mao trần thành một Ngưu mao (lông trâu) trần, bảy Ngưu mao trần thành một Hương du trần, bảy Hương du trần thành một Kỉ (trứng rắn), bảy Kỉ thành một Sắt (con rắn), bảy Sắt thành một Quảng mạch (hạt lúa), bảy Quảng mạch thành một đốt ngón tay, hai mươi bốn đốt ngón tay thành một khuỷu tay, bốn khuỷu tay là một Cung (5 thước), cách thôn năm trăm Cung gọi là chốn A-luyện-nhã, từ đây trở đi gọi là nơi Biên viễn (xa xôi hẻo lánh), tức là năm trăm Cung thành một Câu-lô-xá của nước Ma-kiệt-đà, thành nửa Câu-lô-xá của phương Bắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nước Ma-kiệt-đà đất đai bằng phẳng, cách thôn tuy gần mà không nghe tiếng; phương Bắc cao thấp tuy xa mà vẫn còn nghe tiếng vang đến, vì vậy Câu-lô-xá của phương Bắc lớn hơn. Tám Câu-lô-xá thành một Du-thiện-na.

Người châu Thiệm Bộ thân cao ba khuỷu tay rưỡi, hoặc là có người cao hơn. Người châu Tỳ-đề-ha thân cao tám khuỷu tay. Người châu Cù-đà-ni thân cao mười sáu khuỷu tay. Người châu Câu-lô thân cao ba mươi hai khuỷu tay. Trời Tứ Đại Vương Chúng thân cao một phần tư Câu-lô-xá. Trời Tam Thập Tam thân cao nửa Câu-lô-xá. Thiên Đế Thích thân cao một Câu-lô-xá. Trời Dạ Ma thân cao ba phần tư Câu-lô-xá. Trời Đổ-sử-đa thân cao một Câu-lô-xá. Trời Lạc Biến Hóa thân cao một Câu-lô-xá, và một phần tư Câu-lô-xá. Trời Tha Hóa Tự Tại thân cao nửa Câu-lô-xá. Trời Phạm Chúng thân cao nửa Du-thiện-na. Trời Phạm Phụ thân cao một Du-thiện-na. Trời Đại Phạm thân cao một Du-thiện-na rưỡi. Trời Thiểu Quang thân cao hai Du-thiện-na. Trời Vô Lượng Quang thân cao bốn Du-thiện-na. Trời Cực Quang Tịnh thân cao tám Du-thiện-na. Trời Thiểu Tịnh thân cao mười sáu Du-thiện-na. Trời Vô Lượng Tịnh thân cao ba mươi hai Du-thiện-na. Trời Biến Tịnh thân cao sáu mươi bốn Du-thiện-na. Trời Vô Vân thân cao một trăm hai mươi lăm Du-thiện-na. Trời Phước Sinh thân cao hai trăm năm mươi Du-thiện-na. Trời Quảng Quả thân cao năm trăm Du-thiện-na. Trời Vô Tướng thân cao cũng như vậy. Trời Vô Phiền thân cao một ngàn Du-thiện-na. Trời Vô Nhiệt thân cao hai ngàn Du-thiện-na. Trời Thiện Hiện thân cao bốn ngàn Du-thiện-na. Trời Thiện Kiến thân cao tám ngàn Du-thiện-na. Trời A-ca-nhị-sất-trĩ thân cao mười sáu ngàn Du-thiện-na. Như vậy gọi là phạm vi như nhau của Sắc.

Có thể có pháp do bốn duyên sinh ra chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn cách nói là duyên không có thật, ý hiển bày về tánh của các duyên đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Pháp từ duyên sinh ra có ba loại:

1. Sắc.
2. Tâm tâm sở pháp.
3. Tâm bất tương ứng hành.

Sắc lại có ba loại, đó là thiện- nhiễm ô và vô phú vô ký. Tâm-tâm sở pháp, tâm bất tương ứng hành cũng như vậy.

Trong này, sắc thiện và dị thực vốn không thấu nhiếp.

Lúc sắc vô phú vô ký sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên

là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc sắc nhiễm ô sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Biến hành. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc sắc dị thực sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Tâm-tâm sở pháp thiện và dị thực vốn không thâm nhiếp.

Lúc tâm-tâm sở pháp vô phú vô ký sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc tâm-tâm sở pháp nhiễm ô sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại- nhân Biến hành. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc tâm-tâm sở pháp dị thực sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc Đăng chí Vô tướng-Đăng chí Diệt tận trong tâm thiện bất tương ứng hành sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng

đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đẳng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Thiện và dị thực còn lại vốn không thâm nhiếp.

Lúc tâm vô phú vô ký bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc tâm nhiễm ô bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Biến hành. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc tâm dị thực bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là tăng Thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Có thể có pháp do bốn duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả tâm-tâm sở pháp.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do hai duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do bốn duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh-phần vị diệt hợp lại nói là bốn duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Lúc sinh-lúc diệt đều có hai duyên rười, nếu hợp lại mà nói thì phải có năm duyên, vì sao nói là bốn?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá bốn, nghĩa là một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc sinh ra, một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc diệt đi, hai duyên cùng có tác dụng đối với hai lúc, cho nên hợp lại nói là bốn.

Hỏi: Có thể có pháp do ba duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là Đẳng chí Vô tướng và Đẳng chí Diệt tận.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do hai duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do ba duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh-phần vị diệt hợp lại nói là ba duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Pháp này vào lúc sinh có hai duyên rười, lúc diệt có một duyên rười, nếu hợp lại mà nói thì phải có bốn duyên, vì sao nói là ba?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá ba, nghĩa là một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc sinh ra, hai duyên cùng có tác dụng đối với hai lúc, cho nên hợp lại nói là ba.

Hỏi: Có thể có pháp do hai duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là trừ ra Đẳng chí Vô tướng-Diệt tận, còn lại các tâm bất tương ưng hành và tất cả các sắc.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do một duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do hai duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh- phần vị diệt hợp lại nói là hai duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Pháp này vào lúc sinh có một duyên rười, lúc diệt có một duyên rười, phải có ba duyên, vì sao nói là hai?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá hai, nghĩa là hai duyên cùng có tác dụng đối với lúc sinh- lúc diệt.

Hỏi: Có thể có pháp do một duyên sinh ra chăng?

Đáp: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các pháp hữu vi là tánh yếu kém, không tự dựa vào mình, phải dựa vào nơi khác, không có tác dụng, không tự tại. Pháp hữu vi ấy là pháp vô cùng ít ỏi, đó là một Sát-na, một Cực-vi. Phần vị sinh- phần vị diệt của pháp trừ ra tự Thể của nó, còn lại tất cả các pháp làm duyên Tăng thượng, ở trong phần vị diệt thì sinh... là nhân Câu hữu của nó, cho nên nói là Nhân duyên. Vì vậy, chắc chắn không có pháp nào do một duyên sinh ra.

Trong này, Nhân duyên thâm nhiếp tất cả các pháp hữu vi; Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp quá khứ- hiện tại, trừ ra tụ tâm cuối cùng của A-la-hán, còn lại tâm-tâm sở pháp; Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp tất cả các pháp. Lại nữa, Nhân duyên thâm nhiếp năm uẩn, Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp phần ít của bốn uẩn Vô sắc, Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp năm uẩn và không phải uẩn. Lại nữa, Nhân duyên thâm nhiếp ba đời, Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp phần ít của hai đời, Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp ba đời và không phải đời.

Hỏi: Bốn duyên như vậy thì duyên nào mạnh-duyên nào kém?

Đáp: Có người nói: Nhân duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì Nhân tăng trưởng mà có sinh diệt.

Có người nói: Đẳng vô gián duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì có năng lực mở toang cánh cửa của Thánh đạo.

Có người nói: Sở duyên duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì làm nơi nương tựa cho các tâm-tâm sở.

Có người nói: Tăng thượng duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì các pháp sinh diệt đều không ngăn cản.

Nói như vậy thì đều là mạnh- đều là kém, bởi vì có công năng sai biệt.

Hỏi: Đố cùng với Nhân trí làm Sở duyên duyên, đối với ba Thừa thì pháp nào là tự mình hơn hẳn?

Đáp: Không có pháp nào tự mình hơn hẳn riêng biệt, như những nhúm đậu không khác, nhưng bởi vì Nhân trí có Thượng-Trung-Hạ, cho nên thi thiết Sở duyên có ba loại sai biệt. Như ba lực sĩ bắn vào tấm bia cứng, Ma-ha-nặc-kiện-na bắn trúng mà không phá vỡ, mũi tên của Bát-la-tắc-kiến-đề phá vỡ mà không vượt qua, mũi tên của Na-la-diên phá vỡ rồi cứ thế vượt qua còn xuyên thủng vật khác. Không phải là tấm bia ấy có cứng mềm khác nhau, nhưng bởi vì thế lực của người bắn không như nhau, cho nên nói tấm bia cũng có sai biệt.

Hỏi: Vì thiếu duyên nào cho nên liền nhập Niết-bàn?

Đáp: Có người nói: Nhân duyên, bởi vì lưu chuyển do lực của Nhân duyên, Nhân duyên đoạn cho nên sinh tử liền đoạn.

Có người nói: Đẳng vô gián duyên, bởi vì tâm sau cùng của A-la-hán không nối tiếp, cho nên sẽ Niết-bàn.

Có người nói: Sở duyên duyên, bởi vì các Trí cảnh (nhĩ diệm) không khởi lên tâm-tâm sở pháp sau cùng này, cho nên sẽ Niết-bàn.

Có người nói: Tăng thượng duyên, bởi vì tâm cuối cùng của A-la-hán về sau không có gì không chướng ngại, cho nên sẽ đoạn tuyệt.

Nói như vậy thì bởi vì thiếu hụt bốn duyên mà nhập Niết-bàn. Bởi vì lúc Niết-bàn thì bốn duyên thuộc về pháp, đối với sự nối tiếp nhau ấy cũng không có tác dụng, cho nên liền nhập Niết-bàn.

Thế nào là pháp tương ứng với nhân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn người ngu muội đối với pháp tương ứng, chấp Thể của pháp tương ứng không phải là có thật, để hiển bày về Thể của pháp tương ứng là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Ở trong nghĩa này có người đưa ra cách nói này: Trong này chỉ dựa vào một nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng. Bởi vì trong này nói đến tương ứng, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích văn này.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân?

Đáp: Tất cả tâm- tâm sở pháp. Đây là pháp thuộc tự Thể của nhân Tương ứng, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên gọi là nhân Tương ứng.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ứng với nhân?

Đáp: Đó là sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Sắc... đã không phải là tự Thể của nhân Tương ứng, làm sao lại nói là không tương ứng với nhân?

Đáp: Sắc... tuy không phải là tự Thể của nhân Tương ứng, mà không tương ứng với tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên nói là không tương ứng với nhân, điều ấy có gì sai?

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân-không tương ứng với nhân?

Đáp: Tức là tâm- tâm sở pháp, phần ít tương ứng với nhân, phần ít không tương ứng với nhân. Phần ít tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với nơi khác. Phần ít không tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với tự mình.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là tương ứng với nhân-không phải là không tương ứng với nhân?

Đáp: Tức là tâm- tâm sở pháp, phần ít không phải là tương ứng với nhân, phần ít không phải là không tương ứng với nhân. Phần ít không phải là tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với tự mình. Phần ít không phải là không tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với nơi khác.

Có người nói: Trong này dựa vào hai nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu, bởi vì hai nhân này luôn luôn cùng với pháp ấy không tách lìa nhau.

Có người nói: Trong này dựa vào ba nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu và nhân Đồng loại, bởi vì ba nhân này gồm chung ba tánh.

Có người nói: Trong này dựa vào bốn nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Đồng loại và nhân Biến hành, bởi vì bốn nhân này gồm chung ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào năm nhân mà soạn luận, trừ ra nhân Năng tác, bởi vì gồm chung vô vi chứ không phải là tự mình hơn hẳn.

Có người nói: Trong này dựa vào sáu nhân mà soạn luận, bởi vì nhân đã nói ở đây là nói chung.

Nhưng pháp tương ứng, hoặc có lúc cùng làm tự Thể của sáu nhân, hoặc có lúc chỉ làm tự Thể của năm nhân, hoặc có lúc chỉ làm tự Thể của bốn nhân. Những pháp nào cùng làm tự Thể của sáu nhân? Đó là tâm-tâm sở pháp biến hành bất thiện. Những pháp nào chỉ làm tự Thể của năm nhân? Đó là tâm- tâm sở pháp phi biến hành bất thiện, hoặc là tâm- tâm sở pháp biến hành hữu phú vô ký, hoặc là tâm-tâm sở pháp hữu lậu thiện. Những pháp nào chỉ làm tự Thể của bốn nhân? Đó là tâm- tâm sở pháp phi biến hành hữu phú vô ký, hoặc là tâm-tâm sở pháp vô phú vô ký, hoặc là tâm- tâm sở pháp vô lậu. Dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích văn này.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân?

Đáp: Tất cả tâm-tâm sở pháp, đó là pháp thuộc tự Thể của sáu nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của sáu nhân; pháp thuộc tự Thể của năm nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của năm nhân; pháp thuộc tự Thể của bốn nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của bốn nhân; cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi- đáp dựa theo trước nên biết.

Thế nào là duyên với pháp có duyên? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn người ngu muội đối với tánh của Sở duyên duyên, chấp Sở duyên duyên không phải là pháp có thật, ý hiển bày về Thể của Sở duyên duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp có duyên?

Đáp: Nếu Ý thức cùng pháp tương ứng, duyên với tâm-tâm sở pháp. Bởi vì pháp có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng, người mắt sáng ấy lại có những điều nhìn thấy; duyên với pháp có duyên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Năm Thức thân cùng pháp tương ứng, nếu Ý thức và pháp tương ứng, duyên với sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mù lòa, người mù lòa ấy lại không có điều gì nhìn thấy; duyên với pháp không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Nếu Ý thức cùng pháp tương ứng, duyên với tâm-tâm sở pháp và sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng và người mù lòa, người mắt sáng ấy lại có những điều nhìn thấy, người mù lòa ấy lại không có điều gì nhìn thấy; duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Nghĩa của câu thứ ba này, tức là kết hợp hai câu trước, lại không có Thế khác nhau.

Cách nói này không hợp lý, bởi vì trái ngược nhau với bản luận. Như bản luận nói: Duyên với pháp có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi, duyên với pháp không có duyên là tất cả Tùy miên tùy tăng, duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi, không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu lậu. Nhưng có Ý thức cùng pháp tương ứng, trong một Sát-na duyên chung với pháp có duyên và pháp không có duyên, vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Hỏi: Thế nào là không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp này không duyên với pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên, cho nên nói pháp này là không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên. Như người mù lòa hoàn toàn không nhìn thấy gì, ở đây cũng như vậy.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tưởng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài.” Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Tưởng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt thế nào là Tưởng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra. Nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Tưởng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài?

Đáp: Nghĩa là có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã đem đến bãi tha ma sắp đặt xuống đất, đã đặt xuống đất sắp bị các loài giòi bọ ăn thịt, đã bị các loài giòi bọ ăn thịt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy giòi bọ bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy tướng của các loài giòi bọ bên ngoài rúc rả làm tổn hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đặt vào giàn củi, đã đặt vào giàn củi sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy lửa bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy các tướng của ngọn lửa bên ngoài hừng hực làm tổn hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình thật là giả tạo, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, như đường bột-hoặc là nhúm đường bột, như bơ chưa chín-hoặc là cục bơ chưa chín, sắp bị lửa đun nóng, đã bị lửa đun nóng sắp tan chảy, đã tan chảy. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy lửa bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy các tướng của ngọn lửa bên ngoài đun nóng làm tổn hại thân bên trong.

Trong này, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, đó là các sư Du-già ở phương Bắc; như đường bột-hoặc là nhúm đường bột, đó là các sư Du-già ở phương Nam; như bơ chưa chín-hoặc là cục bơ chưa chín, đó là các sư Du-già ở tất cả các nơi.

Hỏi: Nếu lúc dấy lên Tướng bên trong không có sắc thì lúc ấy quán xét sắc bên ngoài chăng? Hay là lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tướng bên trong không có sắc? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như lúc dấy lên Tướng bên trong không có sắc, ngay lúc ấy quán xét sắc bên ngoài, thì vì sao một Giác không dấy lên mà hiểu theo hai cách hiểu sai biệt? Như vậy một Giác sẽ thành ra nhiều Thể. Nếu như lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tướng

bên trong không có sắc, thì văn này đã nói Tưởng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, lại hiểu thế nào?

Đáp: Nên nói là lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tưởng bên trong không có sắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này đã nói Tưởng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài nên hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào ý thích của sư Du-già mà nói, nghĩa là người quán hành có ý thích như vậy: Mình nên Tưởng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài. Tùy theo ý ấy mà nói. Nhưng vào lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài.

Có người nói: Dựa vào hành tướng phân biệt ở thời gian trước của người ấy cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là sư Du-già trước đó khởi lên hành tướng phân biệt như vậy: Mình nên như vậy và như vậy dấy lên Tưởng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, và lúc tu quán chỉ quán về sắc bên ngoài.

Có người nói: Văn này dựa vào lúc tu gia hạnh thành tựu đầy đủ mà nói, đó là Tưởng bên trong không có sắc, là nói về lúc gia hạnh của căn thiện này; quán xét sắc bên ngoài, là nói về lúc thành tựu đầy đủ căn thiện này, chứ không phải là ở trong một lúc có hai cách hiểu.

Có người nói: Văn này dựa vào nghĩa cuối cùng (nghĩa chí) mà nói, đó là nếu nghĩa cuối cùng là Tưởng bên trong không có sắc thì quán xét sắc bên ngoài, nếu nghĩa cuối cùng là quán xét sắc bên ngoài thì Tưởng bên trong không có sắc, chứ không phải là đối với một Giác có hai cách hiểu.

Có người nói: Tưởng bên trong không có sắc, là nói về sở y; quán xét sắc bên ngoài, là nói về sở duyên, không phải là đối với sở duyên cùng khởi lên hai cách hiểu.

Có Sư khác nói: Nếu lúc dấy lên Tưởng bên trong không có sắc, thì ngay lúc ấy cũng quán xét sắc bên ngoài.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao một Giác không dấy lên mà hiểu theo hai cách hiểu sai biệt?

Đáp: Tuy dấy lên hai cách hiểu mà không trái ngược nhau, cho nên không có gì sai.

Cách nói này không hợp lý, bởi vì hai tướng Có-Không hoàn toàn trái ngược lẫn nhau, vì vậy cho nên như trước đã nói là hợp lý.

Như Đức Thế Tôn nói: “Có Tưởng trừ bỏ sắc...” Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh, nghĩa là trong kinh nói Tưởng trừ bỏ sắc (trừ sắc tưởng), mà không giải thích rộng ra, nay cần phải giải thích về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Tưởng trừ bỏ sắc?

Đáp: Nghĩa là có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đặt xuống đất, đã đặt xuống đất sắp bị các loài giòi bọ ăn thịt, đã bị các loài giòi bọ ăn thịt, các loài giòi bọ này sắp phân tán, đã phân tán. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy giòi bọ, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy tướng của các loài giòi bọ bên ngoài rúc rĩa làm hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đưa lên giàn củi, đã đưa lên giàn củi sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy, lửa đốt cháy thi thể này sắp tắt, đã tắt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy lửa, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy các tướng của lửa bên ngoài hừng hực làm hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình thật là giả tạo, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, như đường bột-hoặc là như nhúm đường bột, như bơ chưa chín-hoặc là như cục bơ chưa chín, sắp bị lửa đun nóng, đã bị lửa đun nóng sắp tan chảy, đã tan chảy, lửa có thể đun nóng tan chảy này sắp tắt, đã tắt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy lửa, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy các tướng của lửa bên ngoài hừng hực làm hại thân bên trong. Ba loại thí dụ như đụn băng tuyết..., tùy theo phương hướng sai biệt như trước nên biết.

Hỏi: Sư Du-già ấy từng thấy các tướng như vậy ở nơi nào mà nay quán xét?

Đáp: Bởi vì người ấy đã từng làm người chăm sóc bệnh cho người

cùng Phạm hạnh, từng thấy Đại chúng của Tỳ kheo biến đổi, từ bỏ các loại ăn uống, rên rỉ đau đớn, tuy có thuốc thang chữa trị mà lại càng thêm nặng, thậm chí dần dần khốn đốn, mồ hôi tuôn chảy đầm dề, hơi thở hỗn hển gấp gáp, trong chốc lát mạng sống kết thúc, tẩm liệm thi hài đưa lên xe tang, bạn bè đồng học đau xót tiễn đưa đến nơi mai táng. Nếu nơi đưa đến khó có được củi đốt, thì đặt vào trong hố sâu buồn bã tiễn biệt mà quay về. Hôm sau lại đến nhìn thấy thi hài ấy, đã bị chôn sỏi- điều quạ-chó đói ăn thịt, trong chốc lát từ xa nhìn thấy xương thịt đều không còn, tất cả chim thú bỗng nhiên tản đi mọi nơi, chỗ ấy vắng vẻ hoang vu. Nếu nơi củi đốt dễ dàng có được, thì chất củi gỗ để an trí thi hài ấy, dùng lửa đốt cháy trong giây lát đều cháy sạch, một lúc sau lửa tắt, lặng lẽ không còn gì nữa. Sư Du-già ấy cố gắng giữ lấy các tướng trạng như vậy rồi, nhanh chóng trở về nơi cư trú rửa tay chân-trái chỗ ngồi, ngồi kiết già điều tâm giữ thân ngay thẳng, khiến cho không còn đau buồn, lìa xa các phiền não ngăn che, do có năng lực có thể nhớ lại các tướng trạng đã giữ lấy lúc trước, dùng lực của Thắng giải quán tưởng thấy thân của mình, theo thứ tự có các tướng đã nhìn thấy trước đây.

Nếu không từng làm người chăm sóc nuôi nấng người bệnh, thì người ấy vào một lúc nhìn thấy đụn băng tuyết.. dần dần bị lửa làm cho tan chảy, cho đến lúc cuối cùng hoàn toàn không còn thấy gì nữa, giữ lấy tướng này rồi dùng lực của Thắng giải quán tưởng thấy thân của mình, theo thứ tự có các tướng đã nhìn thấy trước đây. Nhờ vào duyên này cho nên các sư Du-già đối với thân của mình khởi lên Thắng giải ấy.

Hỏi: Phần vị quán sát như vậy không giống nhau, đối với các pháp quán thì do những pháp quán nào thâm nhiếp?

Đáp: Là Tưởng trừ bỏ sắc và gia hạnh này, cùng với gia hạnh này do gia hạnh thâm nhiếp, nghĩa là không thấy thân của mình-không thấy giòi bọ và lửa cháy, phần vị sau cùng này do Tưởng trừ bỏ sắc thâm nhiếp. Nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ và lửa cháy, thì Tưởng trừ bỏ sắc do gia hạnh thâm nhiếp. Nếu hã còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ-lửa cháy, thì gia hạnh này do gia hạnh thâm nhiếp.

Có người đưa ra cách nói này: Là do Tưởng trừ bỏ sắc và Giải thoát thứ nhất- thứ hai thâm nhiếp, nghĩa là không thấy thân của mình và không thấy giòi bọ-lửa cháy, là Tưởng trừ bỏ sắc; nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ-lửa cháy, là Giải thoát thứ hai; nếu hã

còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ- lửa cháy, là Giải thoát thứ nhất.

Có Sư khác nói: Hiển bày về ba căn thiện, nghĩa là không thấy thân của mình và không thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Thượng; nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Trung; nếu hã còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Hạ.

